

Số: 27 /QĐ-UBND

U Minh Thượng, ngày 08 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện U Minh Thượng về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – kế hoạch tại Tờ trình số 01 /TTr-PTC ngày 04/01/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của huyện U Minh Thượng (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – kế hoạch, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Các ngành, UBND các xã;
- Lưu: VT, TC-KH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Khởi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	258.372
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	11.481
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	1.231
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	9.050
-	Thu tiền sử dụng đất	1.200
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	246.891
-	Thu bổ sung cân đối	150.725
-	Thu bổ sung có mục tiêu	96.166
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	258.372
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	174.983
1	Chi đầu tư phát triển	1.200
2	Chi thường xuyên	169.772
3	Dự phòng ngân sách	4.011
4	Chi bổ sung mục tiêu	
II	Chi các chương trình mục tiêu	83.389
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	83.389
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	258.372
I	Nguồn thu ngân sách	258.372
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	11.481
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	246.891
-	Thu bổ sung cân đối	150.725
-	Thu bổ sung có mục tiêu	96.166
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	258.372
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	258.372
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	0
-	Chi bổ sung cân đối	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	40.502
I	Nguồn thu ngân sách	40.502
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	2.059
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	38.443
-	Thu bổ sung cân đối	28.615
-	Thu bổ sung có mục tiêu	9.828
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	40.502

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	23.650	23.650
I	Thu nội địa	23.650	23.650
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	0	
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	600	600
-	Thuế giá trị gia tăng	300	300
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	300	300
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4.150	4.150
-	Thuế giá trị gia tăng	3.600	3.600
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	500	500
-	Thuế tài nguyên	50	50
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.750	5.750
6	Thuế bảo vệ môi trường	0	
7	Lệ phí trước bạ	6.700	6.700
8	Thu phí, lệ phí	0	
9	Thu phí và lệ phí	1.400	1.400
10	thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	20	20
12	Thu tiền sử dụng đất	2.000	2.000
13	Thu khác ngân sách	3.030	3.030
II	Thu viện trợ		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Dự toán	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
*	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	298.874	258.372	40.502
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	215.485	174.983	40.502
I	Chi đầu tư phát triển	1.200	1.200	
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.200	1.200	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	0		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0		
-	Chi khoa học và công nghệ	0		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	0		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.020	1.020	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	0		
2	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	Chi thường xuyên	209.480	169.772	39.708
	Trong đó:	0		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	117.553	117.553	
2	Chi khoa học và công nghệ	0	0	
III	Dự phòng ngân sách	4.805	4.011	794
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	83.389	83.389	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0		
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	0		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	83.389	83.389	
-	Chi bảo trợ xã hội theo ND 136/2013/ND-CP	10.140	10.140	
-	Hỗ trợ nâng cấp đô thị	5.000	5.000	
-	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	8.492	8.492	
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa ND35	9.233	9.233	
-	Kinh phí sự nghiệp giao thông	6.944	6.944	
	Tăng chi công việc	931	931	
	KP nâng lương niên hạn	786	786	
-	Chi bổ sung tăng lương ND 47/2016, ND 72/2018	5.667	5.667	
	Tăng chi sự nghiệp giáo dục	28.175	28.175	
-	Chi sự nghiệp môi trường, môi trường nông thôn	2.000	2.000	
-	Chi một số nhiệm vụ khác	4.370	4.370	
-	Chi an toàn giao thông huyện, xã	280	280	
-	Chi tăng đảm bảo xã hội	1.371	1.371	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0		

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	298.874
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	40.502
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	258.372
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	1.200
1	Chi đầu tư cho các dự án	
-	<i>Trong đó</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	1.200
II	Chi thường xuyên	169.772
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	117.553
2	Chi an ninh - quốc phòng	1.714
3	Chi y tế, dân số và gia đình	14.014
4	Chi văn hóa thông tin TT và truyền thanh	2.096
5	Chi thể dục thể thao	316
6	Chi bảo vệ môi trường	990
7	Chi các hoạt động kinh tế	6.977
8	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	22.883
9	Chi bảo đảm xã hội	823
10	Chi sự nghiệp khác	392
11	Chi khác	2.014
12	Chi khen thưởng	0
III	Dự phòng ngân sách	4.011
IV	Chi bổ sung mục tiêu	83.389
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TÀN	CHI THỂ DỤC, THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI ĐÀM BẢO XÃ HỘI	CHI KHEN THƯỞNG
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ	188.944	1.714	138.380	14.435	1.446	331	231	990	1.178	1.000	178	29.418	821	1.615
I	KHỎI QLNN	157.239	0	138.218	0	0	0	0	990	1.178	1.000	178	14.417	821	1.615
1	VP HĐND-UBND Huyện	5.754								0			5.754		
2	Thanh tra Huyện	698								0			698		
3	Phòng Lao động - TB&XH	1.734								0			913	821	
4	Phòng Tài chính - KH	1.081								0			1.081		
5	Phòng Nông nghiệp & PTNT	1.101								178		178	923		
6	Phòng Tài nguyên - MT	1.725							990	0			735		
7	Phòng Tư pháp	641								0			641		
8	Phòng Giáo dục	139.404		138.218						0			1.186		
9	Phòng Văn hoá - TTTT	734								0			734		
10	Phòng Kinh tế & hạ Tầng	1.992								1.000	1.000		992		
11	Phòng Nội Vụ	2.375								0			760		1.615
II	KHỎI MẶT TRÀN - ĐT	4.974		0	0	0	0	0	0	0	0	0	4.974	0	
1	UB Mặt trận TQ Huyện	1.040								0			1.040		
2	Hội Nông dân	948								0			948		
3	Hội LH Phụ nữ huyện	961								0			961		
4	Huyện Đoàn	1.045								0			1.045		
5	Hội Cựu Chiến binh	569								0			569		
6	Nhà Thiếu nhi	228								0			228		
7	Hội Khuyến học	183								0			183		
III	KHỎI ĐÀNG	9.741								0			9.741		
1	Văn phòng Huyện ủy	8.764								0			8.764		
2	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	1.577		600						0			977		
IV	KHỎI SỰ NGHIỆP	16.891		162	14.435	1.446	331	231	0	0	0	0	286		
1	Trung tâm y tế	14.435			14.435					0					
2	Hội Chữ thập đỏ	286								0			286		
3	Trung tâm VH TT và Truyền thanh	2.008				1.446	331	231		0					
- 4	Trung tâm HTCD (xã)	162		162						0					
V	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	1.714	1.714							0					



DỰ TOÁN THU, SỔ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2021
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp				Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra		Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
				Thu ngân sách xã hưởng 100%						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	
	TỔNG SỐ	2.316	2.316	566	1.750	38.186	0	0	40.502	
1	Xã Thạnh yên	587	587	164	423	5.717			6.304	
2	Xã Thạnh yên A	250	250	68	182	5.507			5.757	
3	Xã Vĩnh Hòa	210	210	51	159	5.354			5.564	
4	Xã Hòa Chánh	277	277	56	221	8.039			8.316	
5	xã An Minh Bắc	519	519	122	397	5.878			6.397	
6	xã Minh Thuận	474	474	105	369	7.690			8.164	